

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.**

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.**

- Mã chứng khoán: **TMP.**

- Địa chỉ: Khu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Điện thoại liên hệ: 028.36223376 Fax: 0271.3778268.

- Email: nabtk@tmhpp.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) công bố Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán (*nội dung chi tiết theo Báo cáo tài chính riêng đính kèm*).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/03/2024 tại đường dẫn <https://tmhpp.com.vn/c3/pages-f/Bao-cao-tai-chinh-5-454.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

**ĐẠI DIỆN CTCP THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Huỳnh Văn Khánh**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN THÁC MƠ**

Số: 985/TMP-TCKT

V/v giải trình kết quả kinh doanh
năm 2023 đã kiểm toán

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (mã CK: TMP) giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2023 của Công ty giảm so với năm 2022 (năm 2023: 448,004 tỷ đồng, năm 2022: 559,079 tỷ đồng) nguyên nhân: Doanh thu bán điện - thủy điện trong kỳ giảm do sản lượng điện sản xuất năm 2023 giảm so với năm 2022 (năm 2023: 738,2 triệu kWh, năm 2022: 866,7 triệu kWh).

Trên đây là giải trình kết quả kinh doanh trên báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã kiểm toán của Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

**ĐẠI DIỆN CTCP THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Huỳnh Văn Khánh**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 37

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Thác Mơ, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - "EVN"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4403000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Phước cấp ngày 1 tháng 1 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3800311306 lần thứ 9 vào ngày 19 tháng 7 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 8 tháng 6 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Non	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên	
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	
Ông Phạm Minh Trí	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 12 năm 2023
Ông Nguyễn Lê Hoàng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 22 tháng 12 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Nguyễn Khánh Linh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2023
Ông Hồ Thành Công	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2023
Bà Lai Lê Hương	Thành viên	
Bà Đoàn Sử Ngọc Trân	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Non	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Lượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Non.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 26 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu 13468366/67551020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) được lập ngày 26 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 15 tháng 3 năm 2023.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Đặng Minh Tài
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2815-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		978.989.593.477	1.070.824.194.430
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	58.661.687.097	3.530.155.747
111	1. Tiền		4.661.687.097	3.530.155.747
112	2. Các khoản tương đương tiền		54.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		237.000.000.000	733.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.1	237.000.000.000	733.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		681.496.994.298	331.154.275.358
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	616.901.257.812	272.610.696.880
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		563.472.060	1.056.598.309
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	25	14.640.000.000	14.640.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	49.392.264.426	42.846.980.169
140	IV. Hàng tồn kho	7	574.754.025	2.493.461.627
141	1. Hàng tồn kho		574.754.025	2.493.461.627
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.256.158.057	646.301.698
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		793.624.357	178.842.109
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		462.533.700	467.459.589

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		996.953.764.253	1.060.901.923.062
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		52.134.107.000	66.774.107.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	25	51.280.000.000	65.920.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác		854.107.000	854.107.000
220	II. Tài sản cố định		500.869.677.066	542.987.839.181
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	491.800.324.011	533.153.090.234
222	Nguyên giá		2.635.318.092.123	2.613.631.066.803
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.143.517.768.112)	(2.080.477.976.569)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	9.069.353.055	9.834.748.947
228	Nguyên giá		14.290.235.933	14.290.235.933
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.220.882.878)	(4.455.486.986)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	6.944.512.876
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	6.944.512.876
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		438.394.430.000	438.394.430.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	11.2	186.134.430.000	186.134.430.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	11.3	101.400.000.000	101.400.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.4	150.860.000.000	150.860.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		5.555.550.187	5.801.034.005
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	4.076.602.460	5.100.148.856
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.3	87.636.677	-
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		1.391.311.050	700.885.149
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.975.943.357.730	2.131.726.117.492

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		527.393.885.491	581.260.855.753
310	I. Nợ ngắn hạn		201.711.646.008	204.583.159.690
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	23.199.906.028	34.402.617.364
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	68.047.810.280	75.335.214.298
314	3. Phải trả người lao động		14.142.445.479	23.147.926.103
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	2.380.696.789	2.077.996.944
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	13.056.078.574	10.983.635.611
320	6. Vay ngắn hạn	16	50.853.956.580	50.853.956.580
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	30.030.752.278	7.781.812.790
330	II. Nợ dài hạn		325.682.239.483	376.677.696.063
338	1. Vay dài hạn	16	305.123.739.483	355.977.696.063
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		20.558.500.000	20.700.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.448.549.472.239	1.550.465.261.739
410	I. Vốn chủ sở hữu	18.1	1.448.549.472.239	1.550.465.261.739
411	1. Vốn cổ phần		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		254.130.345.832	56.454.368.091
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		-	290.931.473.498
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		494.419.126.407	503.079.420.150
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		494.419.126.407	503.079.420.150
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.975.943.357.730	2.131.726.117.492

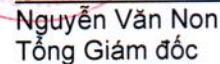


Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

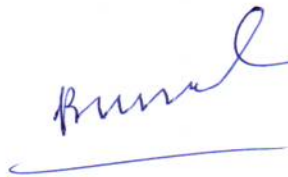
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	741.765.248.055	943.265.188.459
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(253.065.332.687)	(269.091.657.925)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		488.699.915.368	674.173.530.534
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	122.766.353.395	89.979.946.730
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	21	(34.367.069.026) (34.367.069.026)	(34.299.833.827) (34.299.833.827)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(39.847.707.289)	(53.876.568.180)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		537.251.492.448	675.977.075.257
31	8. Thu nhập khác		370.284.815	4.629.857.817
40	9. Lợi nhuận khác		370.284.815	4.629.857.817
50	10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		537.621.777.263	680.606.933.074
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(89.705.200.440)	(121.527.512.924)
52	12. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	24.1, 24.3	87.636.677	-
60	13. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		448.004.213.500	559.079.420.150

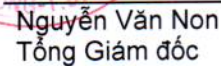


Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		537.621.777.263	680.606.933.074
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9	63.805.187.435	62.342.331.992
03	Hoàn nhập dự phòng		-	(2.518.473.500)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(122.766.353.395)	(89.979.946.730)
06	Chi phí lãi vay	21	34.367.069.026	34.299.833.827
07	Điều chỉnh khác		-	2.060.518.420
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		513.027.680.329	686.811.197.083
09	Tăng các khoản phải thu		(340.582.372.114)	(106.029.734.900)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		1.228.281.701	(403.471.328)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(19.381.580.519)	4.241.767.402
12	Giảm chi phí trả trước		408.764.148	999.328.689
14	Tiền lãi vay đã trả		(34.520.815.165)	(34.128.410.712)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(97.142.768.811)	(71.501.056.430)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.808.809.002)	(12.022.607.597)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.228.380.567	467.967.012.207
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(14.742.512.444)	(12.379.958.947)
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay		(237.000.000.000)	(813.000.000.000)
24	Tiền thu gửi ngân hàng có kỳ hạn và thu hồi cho vay		747.640.000.000	509.640.000.000
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		113.010.932.458	86.847.256.030
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		608.908.420.014	(228.892.702.917)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền trả nợ gốc vay	16	(50.853.956.580)	(38.140.467.435)
36	Cổ tức đã trả	18.4	(509.151.312.651)	(265.342.758.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(560.005.269.231)	(303.483.225.635)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		55.131.531.350	(64.408.916.345)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		3.530.155.747	67.939.072.092
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	58.661.687.097	3.530.155.747



Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Thác Mơ, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - "EVN"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4403000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Phước cấp ngày 1 tháng 1 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3800311306 lần thứ 9 vào ngày 19 tháng 7 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 8 tháng 6 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 110 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 110).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11.2. Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 26 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty đã đề cập để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Các Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán áp dụng cho các đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là "Chế độ Kế toán EVN").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.2 Các Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Công cụ, dụng cụ và nguyên vật liệu - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá gốc bán thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	29 - 34 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải và truyền dẫn	10 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động và phúc lợi xã hội, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi có xác nhận của Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	-	1.260.000.000
Tiền gửi ngân hàng	4.661.687.097	2.270.155.747
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	54.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	58.661.687.097	3.530.155.747

(*) Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 2%/năm đến 3,2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	613.740.947.926	270.439.289.023
Phải thu từ các bên khác	3.160.309.886	2.171.407.857
TỔNG CỘNG	616.901.257.812	272.610.696.880

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi hộ	34.474.592.805	30.532.186.661
Cổ tức	10.125.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi	2.894.893.000	7.986.895.700
Khác	1.897.778.621	4.327.897.808
TỔNG CỘNG	49.392.264.426	42.846.980.169
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	<i>44.599.592.805</i>	<i>30.532.186.661</i>
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	<i>4.792.671.621</i>	<i>12.314.793.508</i>

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	409.435.032	1.281.163.609
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	165.163.793	1.188.668.520
Công cụ, dụng cụ	155.200	23.629.498
TỔNG CỘNG	574.754.025	2.493.461.627

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải và truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.335.392.198.944	1.074.658.995.937	177.972.153.705	25.607.718.217	2.613.631.066.803
Mua trong năm	596.141.242	5.826.620.151	2.037.125.578	5.699.938.415	14.159.825.386
Đầu tư XDCB hoàn thành	7.527.199.934	-	-	-	7.527.199.934
Số cuối năm	1.343.515.540.120	1.080.485.616.088	180.009.279.283	31.307.656.632	2.635.318.092.123
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	1.240.144.967.191	595.956.478.972	110.353.929.528	4.956.153.022	1.951.411.528.713
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	1.254.308.158.084	691.221.255.030	125.778.733.947	9.169.829.508	2.080.477.976.569
Khấu hao trong năm	6.861.823.456	46.106.536.308	6.806.086.347	3.265.345.432	63.039.791.543
Số cuối năm	1.261.169.981.540	737.327.791.338	132.584.820.294	12.435.174.940	2.143.517.768.112
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	81.084.040.860	383.437.740.907	52.193.419.758	16.437.888.709	533.153.090.234
Số cuối năm	82.345.558.580	343.157.824.750	47.424.458.989	18.872.481.692	491.800.324.011
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 16)	58.280.527.938	319.359.109.887	36.370.726.548	13.558.914.888	427.569.279.261

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	VND Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	13.151.533.335	1.138.702.598	14.290.235.933
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	158.280.000	158.280.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	4.201.139.322	254.347.664	4.455.486.986
Hao mòn trong năm	429.251.004	336.144.888	765.395.892
Số cuối năm	4.630.390.326	590.492.552	5.220.882.878
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	8.950.394.013	884.354.934	9.834.748.947
Số cuối năm	8.521.143.009	548.210.046	9.069.353.055

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước	3.124.813.076	3.270.330.788
Khác	951.789.384	1.829.818.068
TỔNG CỘNG	4.076.602.460	5.100.148.856

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 11.1)	237.000.000.000	733.000.000.000
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	237.000.000.000	733.000.000.000
Dài hạn		
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 11.2)	186.134.430.000	186.134.430.000
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 11.3)	101.400.000.000	101.400.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 11.4)	150.860.000.000	150.860.000.000
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn	438.394.430.000	438.394.430.000
TỔNG CỘNG	675.394.430.000	1.171.394.430.000

11.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn còn lại từ sáu (6) tháng đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 4,2%/năm đến 5,7%/năm.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11.2 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Số đầu năm và số cuối năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đầu tư VND		
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	99,92	137.200.000.000	Lâm Đồng, Việt Nam	Sản xuất, truyền tải bán điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	61,17	48.934.430.000	Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất, truyền tải bán điện
TỔNG CỘNG		186.134.430.000		

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11.3 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Số đầu năm và số cuối năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đầu tư VND		
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	20,00	100.000.000.000	Bình Thuận, Việt Nam	Sản xuất, truyền tải bán điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác hồ Thủy điện Thác Mơ	35,00	1.400.000.000.000	Bình Phước, Việt Nam	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
TỔNG CỘNG		101.400.000.000		

11.4 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên đơn vị khác	Số đầu năm và số cuối năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đầu tư VND		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	3,00	149.580.000.000	Quảng Ninh, Việt Nam	Sản xuất, truyền tải điện
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai (*)	10,00	1.280.000.000	Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất, sửa chữa, kinh doanh các thiết bị điện
TỔNG CỘNG		150.860.000.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	3.730.909.091	-
Công ty TNHH Đồng Tâm Đà Lạt	3.357.632.919	5.410.755.888
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất Xây dựng Bình Phước	1.937.689.707	126.676.890
Công ty TNHH Thành Phát	1.037.530.000	4.241.620.333
Khác	13.136.144.311	24.623.564.253
TỔNG CỘNG	23.199.906.028	34.402.617.364
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả cho các bên khác</i>	18.486.203.249	33.722.822.473
<i>Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	4.713.702.779	679.794.891

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.893.293.844	89.705.200.440	97.142.768.811	53.455.725.473
Phí dịch vụ môi trường rừng	7.290.414.720	26.368.326.144	26.871.163.776	6.787.577.088
Thuế tài nguyên	2.902.637.767	70.124.961.049	69.698.905.241	3.328.693.575
Thuế giá trị gia tăng	3.896.612.391	65.998.304.346	66.496.964.379	3.397.952.358
Thuế khác	352.255.576	14.860.143.408	14.134.537.198	1.077.861.786
TỔNG CỘNG	75.335.214.298	267.056.935.387	274.344.339.405	68.047.810.280

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	494.955.291	648.701.430
Khác	1.885.741.498	1.429.295.514
TỔNG CỘNG	2.380.696.789	2.077.996.944

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	11.409.605.436	9.560.918.087
Khác	1.646.473.138	1.422.717.524
TỔNG CỘNG	13.056.078.574	10.983.635.611

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY NGÂN HÀNG

	Số đầu năm	Trả trong năm	Phân loại lại	Số cuối năm	VND
Ngắn hạn	50.853.956.580	(50.853.956.580)	50.853.956.580	50.853.956.580	
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	50.853.956.580	(50.853.956.580)	50.853.956.580	50.853.956.580	
Dài hạn	355.977.696.063	-	(50.853.956.580)	305.123.739.483	
Vay ngân hàng	355.977.696.063	-	(50.853.956.580)	305.123.739.483	
TỔNG CỘNG	406.831.652.643	(50.853.956.580)	-	355.977.696.063	

Công ty thực hiện khoản vay dài hạn từ ngân hàng, với mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	355.977.696.063	Ngày 19 tháng 10 năm 2030	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2-2,3	Một phần tài sản cố định hữu hình tại nhà máy Thủy điện Thác Mơ, trị giá 427.569.279.261 VND (Thuyết minh số 8)
Trong đó:				
Vay dài hạn	305.123.739.483			
Vay dài hạn đến hạn trả	50.853.956.580			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	7.781.812.790	2.732.400.887
Trích lập trong năm	38.920.003.000	16.975.169.500
Sử dụng trong năm	<u>(16.671.063.512)</u>	<u>(11.925.757.597)</u>
Số cuối năm	<u>30.030.752.278</u>	<u>7.781.812.790</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					VND
Số đầu năm	700.000.000.000	56.454.368.091	231.969.100.587	285.937.542.411	1.274.361.011.089
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	559.079.420.150	559.079.420.150
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	58.962.372.911	(58.962.372.911)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(16.975.169.500)	(16.975.169.500)
Cổ tức công bố	-	-	-	(266.000.000.000)	(266.000.000.000)
Số cuối năm	700.000.000.000	56.454.368.091	290.931.473.498	503.079.420.150	1.550.465.261.739
Năm nay					
Số đầu năm	700.000.000.000	56.454.368.091	290.931.473.498	503.079.420.150	1.550.465.261.739
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	448.004.213.500	448.004.213.500
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	39.445.912	(39.445.912)	-
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	(93.294.941.669)	93.294.941.669	-
Đầu tư Dự án Nhà máy Điện mặt trời bằng Quỹ đầu tư phát triển (**)	-	177.746.308.461	(177.746.308.461)	-	-
Mua sắm tài sản cố định bằng quỹ đầu tư phát triển (***)	-	19.929.669.280	(19.929.669.280)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(38.920.003.000)	(38.920.003.000)
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	(511.000.000.000)	(511.000.000.000)
Số cuối năm	700.000.000.000	254.130.345.832	-	494.419.126.407	1.448.549.472.239

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế để chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt là 30% trên vốn điều lệ (trong đó, đã tạm ứng đợt 1 trong năm 2022 là 8%) và trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Người quản lý và Kiểm soát viên.
- (**) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 909/NQ-TMP-HĐQT ngày 15 tháng 9 năm 2023, Hội đồng quản trị của Công ty đã thông qua quyết toán nguồn vốn đầu tư Dự án Nhà máy Điện mặt trời Thác Mơ với tổng quyết toán không bao gồm thuế giá trị gia tăng là 622.718.428.539 VND, trong đó, từ vốn vay thương mại là 444.972.120.078 VND và từ Quỹ đầu tư phát triển là 177.746.308.461 VND.
- (***) Theo quy định, trình tự, thủ tục hiện hành về thực hiện các dự án đầu tư mua sắm sử dụng Quỹ đầu tư phát triển.

18.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Số đầu năm và số cuối năm	
	Giá trị VND	% sở hữu
Tổng công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần	363.415.000.000	51,92
Công ty TNHH Năng lượng REE	298.437.400.000	42,63
Các cổ đông khác	38.147.600.000	5,45
TỔNG CỘNG	700.000.000.000	100,00

18.3 Cổ phiếu

	Số đầu năm và số cuối năm
	Số lượng
Cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000 70.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000 70.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (vào ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

18.4 Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức đã công bố bằng tiền	511.000.000.000	266.000.000.000
Cổ tức đã trả trong năm	509.151.312.651	265.342.758.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu bán điện	726.541.800.471	930.947.292.673
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>15.223.447.584</u>	<u>12.317.895.786</u>
TỔNG CỘNG	<u>741.765.248.055</u>	<u>943.265.188.459</u>

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Cổ tức được chia	76.600.607.500	57.733.607.500
Lãi tiền gửi ngân hàng	<u>46.165.745.895</u>	<u>32.246.339.230</u>
TỔNG CỘNG	<u>122.766.353.395</u>	<u>89.979.946.730</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VND Năm trước
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	104.860.408.893	118.087.111.261
Chi phí khấu hao	61.335.000.040	61.981.571.058
Chi phí nhân công	26.423.779.461	34.076.729.485
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.322.496.485	10.212.461.948
Chi phí nguyên vật liệu	8.462.852.972	9.532.307.868
Chi phí khác	<u>38.660.794.836</u>	<u>35.201.476.305</u>
TỔNG CỘNG	<u>253.065.332.687</u>	<u>269.091.657.925</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí lãi vay	<u>34.367.069.026</u>	<u>34.299.833.827</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	13.580.999.514	16.976.429.877
Khấu hao và hao mòn	2.470.187.395	1.806.800.648
Chi phí khác	23.796.520.380	35.093.337.655
TỔNG CỘNG	<u>39.847.707.289</u>	<u>53.876.568.180</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	104.860.408.893	118.447.872.195
Chi phí khấu hao và hao mòn	63.805.187.435	62.342.331.992
Chi phí nhân công	38.659.264.000	51.053.159.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.024.454.564	17.608.135.067
Chi phí nguyên vật liệu	9.721.671.929	9.962.252.890
Chi phí khác	59.842.053.155	63.554.474.599
TỔNG CỘNG	<u>292.913.039.976</u>	<u>322.968.226.105</u>

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh thủy điện và hoạt động kinh doanh khác.

Đối với dự án Nhà máy Điện mặt trời, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp hiện đang được áp dụng phù hợp với các quy định hiện hành.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	89.630.998.827	120.893.293.844
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	74.201.613	634.219.080
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(87.636.677)	-
TỔNG CỘNG	<u>89.617.563.763</u>	<u>121.527.512.924</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>537.621.777.263</u>	<u>680.606.933.074</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	107.524.355.453	136.121.386.615
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	599.508.608	208.951.079
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	74.201.613	634.219.080
Thu nhập thuế hoãn lại	(87.636.677)	-
Thuế TNDN được miễn	(18.492.865.234)	(15.437.043.850)
Chi phí thuế TNDN	<u>89.617.563.763</u>	<u>121.527.512.924</u>

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

24.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cùng với biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí trả trước	<u>87.636.677</u>	<u>-</u>	<u>87.636.677</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan khác của Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Nguyễn Văn Non	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Minh Trí	Thành viên HĐQT từ ngày 22 tháng 12 năm 2023
Ông Nguyễn Lê Hoàng	Thành viên HĐQT đến ngày 22 tháng 12 năm 2023
Bà Lê Nguyễn Khánh Linh	Trưởng Ban kiểm soát từ ngày 22 tháng 6 năm 2023
Ông Hồ Thành Công	Trưởng Ban kiểm soát đến ngày 22 tháng 6 năm 2023
Bà Lai Lệ Hương	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Đoàn Sử Ngọc Trân	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Hùng Lượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Kim Na	Kế toán trưởng
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrơsa	Công ty con
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2 ("PECC2")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 ("PECC3")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thí nghiệm Điện lực TP.Hồ Chí Minh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	Công ty trong cùng Tập đoàn
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Điện lực Bình Phước - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư hoặc nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất	Cung cấp dịch vụ	8.348.409.864	7.484.596.933
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán điện	726.217.119.718	930.633.710.507
Công ty Cổ phần Năng lượng REE	Cổ đồng lớn	Chia cổ tức	217.859.302.000	113.406.212.000
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Chia cổ tức	265.292.950.000	138.097.700.000
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Công ty con	Thu tiền cổ tức	13.720.000.000	13.720.000.000
		Thu tiền cho vay	14.640.000.000	14.640.000.000
		Lãi cho vay	5.348.553.370	5.598.437.699
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	Công ty con	Thu tiền cổ tức	12.233.607.500	12.233.607.500
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty liên kết	Thu tiền cổ tức	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cổ tức được chia	10.125.000.000	21.600.000.000
Công ty Điện lực Bình Phước - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa, dịch vụ	3.939.629.600	4.504.762.640
		Bán điện	324.680.753	313.582.166

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cổ tức được chia	-	180.000.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán điện	594.165.802.173	251.545.671.617
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	10.098.878.797	10.098.878.797
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất	Cung cấp dịch vụ	9.075.041.683	3.721.983.627
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	372.160.000	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán điện	29.065.273	47.085.765
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	5.025.669.217
TỔNG CỘNG			<u>613.740.947.926</u>	<u>270.439.289.023</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi hộ	27.267.692.037	27.267.692.037
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cổ tức được chia	10.125.000.000	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất	Chi hộ	7.206.900.768	3.264.494.624
TỔNG CỘNG			<u>44.599.592.805</u>	<u>30.532.186.661</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Công ty con	Cho vay	<u>14.640.000.000</u>	<u>14.640.000.000</u>
Phải thu về cho vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Công ty con	Cho vay	<u>51.280.000.000</u>	<u>65.920.000.000</u>
Phải trả người bán ngắn hạn				
PECC3	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	3.730.909.091	-
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	304.583.145	-
Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	298.506.655	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	165.412.500	-
PECC2	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	138.972.373	138.972.373
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	48.195.646	-
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	27.123.369	76.515.308
Công ty Điện lực Bình Phước – Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	-	368.519.030
Công ty Thí nghiệm Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	-	95.788.180
TỔNG CỘNG			<u>4.713.702.779</u>	<u>679.794.891</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát:

	Chức vụ	Năm nay	VND Năm trước
Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch HĐQT	872.256.000	849.054.000
Ông Nguyễn Văn Non	Thành viên HĐQT kiêm TGD	836.482.000	813.187.000
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên HĐQT	96.000.000	110.400.000
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	96.000.000	110.400.000
Ông Nguyễn Lê Hoàng	Thành viên HĐQT đến ngày 22 tháng 12 năm 2023	93.419.000	11.132.000
Ông Phạm Minh Trí	Thành viên HĐQT từ ngày 22 tháng 12 năm 2023	19.531.000	-
Ông Đoàn Đức Toàn	Thành viên HĐQT đến ngày 24 tháng 11 năm 2022	-	56.580.000
Ông Nguyễn Hùng Lượng	Phó TGD	743.954.000	724.480.000
Ông Đinh Văn Sơn	Phó TGD	743.954.000	724.480.000
Thu nhập của Ban kiểm soát		964.288.000	929.062.000
TỔNG CỘNG		4.465.884.000	4.328.775.000

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng tại Tòa nhà Etown 1 và thuê đất tại Tỉnh Bình Phước theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Dưới 1 năm	4.711.525.496	3.538.310.846
Trên 1 – 5 năm	14.013.209.012	14.644.080.808
Trên 5 năm	24.931.178.048	21.177.677.491
TỔNG CỘNG	43.655.912.556	39.360.069.145

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM


Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024